

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HS-ST
Ngày: 31-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Văn Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Châu Quốc Tuấn**

2. Ông **Nguyễn Minh Đoàn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thanh Sang** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/HSST-QĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn N**, sinh năm 1974; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: Tiền Giang; HKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông: **Phạm Văn T**, sinh năm 1938 và bà: **Trần Thị A**, sinh năm 1940 (chết); Vợ tên: **Kim Mắc R**, sinh năm 1987; Có 02 người con: Đứa lớn sinh năm 2012, đứa nhỏ sinh năm 2019; Gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Ngày 03/01/2022; Ngày 11/01/2022 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:** **Trương Tiến T**, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

*** Người làm chứng:**

- Phạm Văn T, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

- Kim Mắc R, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

- **Trần Tú A**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 70c, ấp Đ, xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

- **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn N là công nhân đang làm công trình xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản “Feed One” tại cụm công nghiệp MH thuộc ấp 2, xã MH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp, thường xuyên đến căn tin nơi anh Trương Tiến T bán thức ăn cho công nhân tại công trường nên biết được tài sản của anh T.

Vào khoảng 4 giờ ngày 02/01/2022 N đi bộ một mình từ nhà ở ấp 3, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang đến căn tin của công trường. N thấy anh T và bà Nguyễn Thị Thu H (là mẹ ruột T) đang nằm ngủ trong mùng, N đi lại khu vực bếp nấu ăn lấy con dao thái lan bằng kim loại màu trắng lưỡi dao dài 19cm, cán bằng gỗ dài 12cm lén lút đi lại dùng dao cắt rách mùng lấy điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax cùng số tiền 6.000.000 đồng để trong keo bằng nhựa và điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 Plus đang sạc pin để cạnh keo nhựa, N lấy 02 điện thoại bỏ vào túi quần bên phải, tiền bỏ vào túi quần bên trái và đi bộ về nhà. Khi về đến nhà N lấy tiền vừa trộm ra kiểm tra được 1.752.000 đồng riêng 02 điện thoại do có cài mật khẩu nên không mở được. Sau đó, N điều khiển xe mô tô biển số 69K1- 8655 (xe do Kim Mắc R là vợ của bị cáo N mua lại của Trần Tú A nhưng chưa làm thủ tục sang tên) chạy về nhà vợ ở ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh đưa cho vợ là Kim Mắc R số tiền lấy trộm được 1.752.000 đồng cùng 02 điện thoại di động, N nói với vợ là tiền do làm thuê mà có, còn 02 điện thoại do cầm cố của người khác, nhưng do điện thoại có cài mật khẩu nên không sử dụng được, cả hai vợ chồng đến cửa hàng Thế giới di động ở huyện C để nhờ nhân viên cửa hàng mở mật khẩu nhưng không được, do điện thoại có cài định vị nên anh T dò theo tính hiệu định vị trên máy, đồng thời đến Công an thị trấn C trình báo sự việc và mời N cùng chị Kim Mắc R làm việc, tại Cơ quan Công an N thừa nhận hành vi của mình và tự nguyện giao nộp điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax, điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 Plus cùng với số tiền 474.000 đồng.

Quá trình điều tra đã thu giữ của anh Trương Tiến T: Con dao Thái Lan dài 31 cm, có lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 19cm, cán dao bằng gỗ màu xám dài 12cm; Mùng lưới màu xanh, bị rách 02 đoạn (đoạn dài 34cm và đoạn dài 46cm); Keo nhựa màu trắng, đường kính 12cm, cao 33cm (đã qua sử dụng); điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh đen, số IMEI 353027947283533, số máy MLJ73JIA; điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng xét thấy không cần thiết tạm giữ nên Cơ quan điều tra đã trao trả các vật chứng trên cho anh T.

Tại biên bản kết luận định giá tài sản số 01 ngày 05/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự huyện Cao Lãnh kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng đã qua sử dụng trị giá 5.666.667 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh đen, số IMEI 353027947283533, số máy MLJ73JIA đã qua sử dụng trị giá 20.000.000 đồng. Tổng cộng: 25.666.667 đồng.

Anh T yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền bị N chiếm đoạt là 6.000.000 đồng, riêng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng trong quá trình N mở khóa đã bị khóa tài khoản iCloud nên máy không còn sử dụng được nên anh T yêu cầu bồi thường số tiền 6.500.000 đồng, bị cáo N thống nhất bồi thường như yêu cầu anh T. Hiện nay N đã bồi thường số tiền 12.500.000 đồng cho anh T xong và không yêu cầu nhận lại điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng mà giao lại cho anh T.

Đối với xe mô tô biển số 69K1- 8655 do chị Kim Mắc R mua lại của Trần Tú A nhưng chưa làm thủ tục sang tên, đưa cho N làm phương tiện đi lại chị R không biết N dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra tiến hành trao trả lại cho chị Kim Mắc R theo quy định.

Trong quá trình điều tra bị cáo N khai nhận chỉ chiếm đoạt của anh T số tiền 1.752.000 đồng, không thừa nhận chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, qua lời khai của bị hại và người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn N đã thực hiện hành vi chiếm đoạt 6.000.000 đồng cùng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng và điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh đen của anh Trương Tiến T.

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKSHCL ngày 30/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh đã truy tố bị cáo Phạm Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Căn cứ Điều 173 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn N với mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

- Về vật chứng: Đề nghị Tòa án tiếp tục quản lý số tiền 474.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

* Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo không tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cao Lãnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Cao Lãnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, mọi hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cũng như nội dung bản cáo trạng số 09/CT-VKSHCL ngày 30/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh là đúng với hành vi của bị cáo. Vào khoảng 04 giờ ngày 02/01/2022, bị cáo N đi bộ một mình từ nhà ở ấp 3, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang đến căn tin của công trường tại cụm công nghiệp MH thuộc ấp 2, xã MH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Trương Tiến T nên bị cáo đã lén lút tiếp cận, trộm các tài sản của anh T gồm: 6.000.000 đồng cùng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng và điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh đen để tiêu xài, sử dụng vào mục đích cá nhân.

Theo bản kết luận định giá tài sản, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng đã qua sử dụng trị giá 5.666.667 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh đen, số IMEI 353027947283533, số máy MLJ73JIA đã qua sử dụng trị giá 20.000.000 đồng. Tổng cộng: 25.666.667 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại Trương Tiến T là 31.666.667 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn N: Khi thực hiện tội phạm, bị cáo là người đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của

mình và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo còn khai rằng biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lòng tham nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên, chứng tỏ hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chẳng những xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, cần cách ly bị cáo một thời gian nhất định, để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành công dân tốt và sống có ích cho xã hội. Đồng thời góp phần phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: Tiếp tục quản lý số tiền 474.000 đồng đã thu giữ của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[10] Đối với chị Kim Mắc R không biết tài sản do bị cáo N phạm tội mà có nên không xem xét xử lý là phù hợp.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Cao Lãnh về tội danh, khung hình phạt, mức hình phạt và các vấn đề khác là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Phạm Văn N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt nhưng trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 03/01/2022 đến ngày 11/01/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tiếp tục quản lý số tiền 474.000 đồng đã thu giữ của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

(Hiện số tiền trên đang được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh quản lý).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Văn N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- Cơ quan CSĐT CAHCL;
- Cơ quan THAHS&HTTP CAHCL;
- THADS huyện Cao Lãnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Văn Phong